BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 48/2012/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2012

THÔNG TƯ
Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trạm dừng nghỉ đường bộ

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ và Tổng cục Trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư về "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ".

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ - Số hiệu: QCVN 43: 2012/BGTVT.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành ngày 15 tháng 5 năm 2013; bãi bỏ Chương IV. Quy định về Trạm dừng nghỉ tại Thông tư số 24/2010/TT-BGTVT ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Đinh La Thăng

QCVN 43: 2012/BGTVT

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ TRẠM DỪNG NGHỈ ĐƯỜNG BỘ

National technical regulation on Roadside Station

Lời nói đầu

QCVN 43: 2012/BGTVT do Tổng cục Đường bộ Việt Nam soạn thảo, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ Giao thông vận tải ban hành theo Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2012.

MỤC LỤC

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

1.2. Đối tượng áp dụng

1.3. Tài liệu viện dẫn

1.4. Giải thích từ ngữ

II. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

2.1. Quy định chung

2.2. Quy định về các hạng mục công trình cơ bản

2.2.1. Công trình dịch vụ công

2.2.2. Công trình dịch thương mại

2.2.3. Công trình bổ trợ

2.3. Quy định về diện tích tối thiểu và các hạng mục công trình

2.3.1. Phân loại và phạm vi áp dụng của từng loại trạm dừng nghỉ

2.3.2. Quy định về bãi đỗ xe và đường ra, vào bãi đỗ xe

2.3.3. Quy định về nơi nghỉ ngơi của lái xe và hành khách

2.3.4. Quy định về khu vệ sinh

2.3.5. Quy định về nơi cung cấp thông tin

2.3.6. Quy định về khu vực giới thiệu và bán hàng hóa

2.3.7. Quy định về khu vực phục vụ ăn uống, giải khát

2.3.8. Quy định về trạm cấp nhiên liệu, xưởng BDSC và nơi rửa xe

2.3.9. Quy định về hệ thống cấp thoát nước.

2.4. Quy định về phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường

III. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

3.1. Nội dung quản lý

3.1.1. Quy định về loại hình đơn vị quản lý khai thác trạm dừng nghỉ

3.1.2. Thẩm quyền công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác

3.1.3. Thủ tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác

3.1.4. Quy định về kiểm tra, giám sát hoạt động của trạm dừng nghỉ

3.2. Trách nhiệm quản lý nhà nước

3.2.1. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải

3.2.2. Trách nhiệm của Tổng cục Đường bộ Việt Nam

3.2.3. Trách nhiệm của UBND tỉnh, TP trực thuộc Trung ương

3.2.4. Trách nhiệm của Sở GTVT các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương

3.3. Trách nhiệm của chủ đầu tư, đơn vị khai thác và người sử dụng trạm dừng nghỉ

3.3.1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

3.3.2. Trách nhiệm của đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ

3.3.3. Trách nhiệm của người sử dụng trạm dừng nghỉ

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Phụ lục

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ TRẠM DỪNG NGHỈ ĐƯỜNG BỘ
National technical regulation on Roadside Station

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định điều kiện cơ sở vật chất; các yêu cầu bắt buộc phải tuân thủ trong đầu tư, xây dựng mới, cải tạo hoặc nâng cấp các trạm dừng nghỉ đường bộ.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ đường bộ; các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc sử dụng dịch vụ, kiểm tra, kiểm chuẩn công bố trạm dừng nghỉ đường bộ đủ điều kiện hoạt động và quy hoạch hệ thống trạm dừng nghỉ đường bộ trong phạm vi nước Việt Nam.

1.3. Tài liệu viện dẫn

- QCXDVN 01: 2002 "Quy chuẩn xây dựng công trình để đảm bảo người tàn tật tiếp cận sử dụng" được ban hành kèm theo Quyết định số 01/2002/QĐ-BXD ngày 17 tháng 01 năm 2002 của Bộ Xây dựng.

- QCXDVN 05: 2008/BXD "Nhà ở và công trình công cộng - An toàn sinh mạng và sức khỏe" được ban hành kèm theo Quyết định số 09/2008/QĐ-BXD ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Bộ Xây dựng.

- QCVN 07: 2010/BXD "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị" được ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BXD ngày 05 tháng 02 năm 2010 của Bộ Xây dựng.

- QCVN 06: 2010/BXD "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình" được ban hành kèm theo Thông tư số 07/2010/TT-BXD ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Bộ Xây dựng.

- QCVN 01: 2009/BYT "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống" được ban hành kèm theo Thông tư số 04/2009/TT-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ Y tế.

- QCVN 02: 2009/BYT "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt" được ban hành theo Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ Y tế.

- TCVN 5687: 2010 Thông gió, điều khiển không khí - Tiêu chuẩn thiết kế do Bộ KH-CN công bố năm 2010.

- TCVN 2622:1995 Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - yêu cầu thiết kế do Bộ Xây dựng công bố năm 1995.

- TCXDVN 264:2002 Nhà và công trình - Nguyên tắc cơ bản xây dựng công trình để đảm bảo người tàn tật tiếp cận sử dụng do Bộ Xây dựng công bố năm 2002.

- TCXDVN 276:2003 "Công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế" được ban hành kèm theo Quyết định số 08/2003/QĐ-BXD ngày 26 tháng 3 năm 2003 của Bộ Xây dựng.

- TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế do Bộ KH-CN công bố năm 2005.

- TCVN 4530: 2011 Cửa hàng xăng dầu - Yêu cầu thiết kế do Bộ KH-CN công bố năm 2011.

- TCVN 5729:1997 Đường ô tô cao tốc. Tiêu chuẩn thiết kế do Bộ KH-CN công bố năm 1997

Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

1.4. Giải thích từ ngữ

a) *Trạm dừng nghỉ đường bộ (sau đây gọi là trạm dừng nghỉ)* là công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, được xây dựng dọc theo tuyến quốc lộ hoặc tỉnh lộ để cung cấp các dịch vụ phục vụ người và phương tiện tham gia giao thông.

b) *Đường ra vào trạm dừng nghỉ* là đường đấu nối từ đường giao thông chính, đường nhánh hoặc đường gom vào trạm dừng nghỉ.

c) *Bãi đỗ xe:* Là nơi dành cho các phương tiện giao thông đường bộ đỗ khi người điều khiển phương tiện và hành khách sử dụng dịch vụ tại trạm dừng nghỉ.

d) *Nơi cung cấp thông tin* là vị trí đặt, để các tài liệu, sách, báo, bản đồ và các trang thiết bị nghe, nhìn khác.

đ) *Khu vực giới thiệu và bán hàng hóa* là nơi trưng bày, giới thiệu và bán đồ lưu niệm, các sản phẩm của địa phương nơi đặt trạm dừng nghỉ và các hàng hóa khác.

II. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

2.1. Quy định chung

2.1.1. Trạm dừng nghỉ phải được xây dựng theo Quy hoạch trạm dừng nghỉ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2.1.2. Điểm đấu nối của đường ra vào trạm dừng nghỉ với đường quốc lộ phải được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông vận tải. Điểm đấu nối của đường ra, vào trạm dừng nghỉ với các đường khác (trừ đường quốc lộ) phải được thực hiện theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp trạm dừng nghỉ được sử dụng cho phương tiện lưu thông trên cả hai chiều của đường cao tốc thì phải có đường đi trên cao hoặc đi ngầm tại nơi giao cắt với đường cao tốc để sang đường. (Theo quy định tại Điều 11, 13 của TCVN 4054: 2005).

2.1.3. Trạm dừng nghỉ có các chức năng cơ bản sau:

a) Cung cấp dịch vụ nghỉ ngơi;

b) Quản lý giao thông đường bộ;

c) Cung cấp thông tin;

d) Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội địa phương;

đ) Quảng bá bản sắc văn hóa địa phương.

2.1.4. Các công trình, thiết bị của trạm dừng nghỉ phải được xây dựng, lắp đặt đảm bảo chất lượng và sự bền vững tương ứng với cấp công trình theo quy định tại TCXDVN 276:2003 và các quy định liên quan khác.

2.1.5. Hệ thống điện, nước, chiếu sáng, thông tin liên lạc của trạm dừng nghỉ phải đảm bảo đồng bộ, hoàn chỉnh, tuân thủ theo các quy định để có thể cung cấp an toàn, liên tục và ổn định các dịch vụ cho người và phương tiện tham gia giao thông theo quy định tại QCVN 07: 2010/BXD và TCXDVN 276:2003.

2.1.6. Trạm dừng nghỉ phải có điện thoại cố định, được phủ sóng điện thoại di động và có hệ thống thiết bị truyền thanh.

2.2. Quy định về các hạng mục công trình cơ bản

Các hạng mục công trình cơ bản của trạm dừng nghỉ được chia làm 3 nhóm gồm: Các công trình dịch vụ công; các công trình dịch vụ thương mại và các công trình bổ trợ, trong đó bắt buộc phải có các công trình từ a đến e được quy định tại điểm 2.2.1 của Quy chuẩn này (tham khảo sơ đồ bố trí mặt bằng tại Phụ lục 1).

2.2.1. Công trình dịch vụ công (cung cấp các dịch vụ miễn phí)

a) Bãi đỗ xe;

b) Không gian nghỉ ngơi;

c) Phòng nghỉ tạm thời cho lái xe;

d) Khu vệ sinh;

đ) Nơi cung cấp thông tin;

e) Nơi tổ chức, phát động tuyên truyền về an toàn giao thông;

g) Nơi trực của nhân viên cứu hộ, sơ cứu tai nạn giao thông.

2.2.2. Công trình dịch vụ thương mại

a) Khu vực phục vụ ăn uống, giải khát;

b) Khu vực giới thiệu và bán hàng hóa;

c) Trạm cấp nhiên liệu;

d) Xưởng bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện;

đ) Nơi rửa xe;

e) Phòng ngủ cho lái xe và hành khách lưu trú qua đêm.

2.2.3. Công trình bổ trợ (khuyến khích)

a) Biểu trưng của địa phương hoặc của trạm dừng nghỉ;

b) Nơi sản xuất, chế biến đặc sản của địa phương;

c) Nơi sinh hoạt cộng đồng (tổ chức hội chợ, hoạt động văn hóa).

2.3. Quy định về diện tích tối thiểu và các hạng mục công trình

2.3.1. Phân loại và phạm vi áp dụng của từng loại trạm dừng nghỉ:

a) Trạm dừng nghỉ được chia làm 4 loại căn cứ vào diện tích tối thiểu và các hạng mục công trình bắt buộc phải có đối với từng loại như trong bảng sau:

<table>
<tr><th rowspan="2">TT</th><th rowspan="2">Hạng mục</th><th rowspan="2">Đơn vị tính</th><th colspan="4">Loại trạm dừng nghỉ</th></tr>
<tr><th>Loại 1</th><th>Loại 2</th><th>Loại 3</th><th>Loại 4</th></tr>
<tr><td>01</td><td>Tổng diện tích mặt bằng trạm (tối thiểu)</td><td>m^2</td><td>10.000</td><td>5.000</td><td>3.000</td><td>1.000</td></tr>
<tr><td>02</td><td>Bãi đỗ xe (diện tích tối thiểu</td><td>m^2</td><td>5000</td><td>2.500</td><td>1.500</td><td>500</td></tr>
<tr><td>03</td><td>Đường xe ra, vào</td><td></td><td colspan="2">Đường ra, vào riêng biệt</td><td colspan="2">Đường ra, vào chung rộng tối thiểu 7,5m</td></tr>
<tr><td>04</td><td>Khu kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện</td><td></td><td>Có</td><td colspan="3">Khuyến khích có</td></tr>
<tr><td>05</td><td>Trạm cấp nhiên liệu</td><td></td><td>Có</td><td colspan="3">Khuyến khích có</td></tr>
<tr><td>06</td><td>Mặt sân khu vực bãi đỗ xe</td><td></td><td colspan="4">Thảm nhựa hoặc bê tông có chiều dày tối thiểu 07cm</td></tr>
<tr><td>07</td><td>Khu vệ sinh</td><td>m^2</td><td colspan="4">Có diện tích > 1% tổng diện tích xây dựng (có nơi vệ sinh phục vụ người khuyết tật - TCXDVN 264:2002)</td></tr>
</table>

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Loại trạm dừng nghỉ			
			Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
08	Phòng nghỉ tạm thời cho lái xe	m^2	36	24	18	18
09	Không gian nghỉ ngơi (khu vực có mái che và khu vực trồng cây xanh có ghế ngồi)	m^2	Tối thiểu bằng 10% Tổng diện tích mặt bằng trạm (TCXDVN 276: 2003)			
10	Nơi cung cấp thông tin		Có			
11	Khu phục vụ ăn uống, giải khát		Có			
12	Khu vực giới thiệu và bán hàng hóa		Có			
13	Phòng trực của nhân viên cứu hộ, sơ cứu tai nạn giao thông		Theo quy định của Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở GTVT địa phương			

b) Phạm vi áp dụng đối với từng loại trạm dừng nghỉ:

Quy mô, năng lực cung cấp dịch vụ của trạm dừng nghỉ được tính toán thiết kế căn cứ vào lưu lượng phương tiện, hành khách thông qua tuyến đường và điều kiện cụ thể của khu vực nơi xây dựng trạm dừng nghỉ, đồng thời phải đáp ứng được quy định sau:

- Trên các tuyến tỉnh lộ hoặc huyện lộ xây dựng trạm dừng nghỉ từ Loại 4 trở lên.

- Trên các tuyến quốc lộ có từ 01 đến 02 làn xe mỗi chiều xây dựng trạm dừng nghỉ từ Loại 3 trở lên.

- Trên các tuyến quốc lộ có từ 03 làn xe mỗi chiều trở lên xây dựng trạm dừng nghỉ từ Loại 2 trở lên.

2.3.2. Quy định về bãi đỗ xe và đường ra, vào bãi đỗ xe

a) Khu vực bãi đỗ xe: Thiết kế hướng đỗ xe hợp lý để đáp ứng nhu cầu đỗ xe của từng loại phương tiện, đảm bảo an toàn, thuận tiện;

b) Diện tích tối thiểu cho một chỗ đỗ của xe ô tô khách, xe ô tô tải là $40m^2$ và cho xe ô tô con là 25 m^2. Có vạch sơn để phân định rõ từng vị trí đỗ xe. Có vị trí đỗ xe riêng cho người khuyết tật với diện tích tối thiểu $25m^2$ (Theo QCVN 07: 2010/BXD);

c) Đường lưu thông trong trạm dừng nghỉ phải có các biển báo hiệu, vạch kẻ đường; có bán kính quay xe phù hợp (nhưng bán kính tối thiểu không nhỏ hơn 10m tính theo tim đường được quy định tại QCVN 07:2010/BXD để đảm bảo cho các loại phương tiện lưu thông an toàn trong khu vực trạm dừng nghỉ;

d) Đường ra, vào bãi đỗ xe phải được thiết kế theo các quy định và tiêu chuẩn hiện hành, đảm bảo lưu thông, hạn chế tối thiểu xung đột giữa dòng phương tiện vào và ra và với người đi bộ.

2.3.3. Quy định về nơi nghỉ ngơi của lái xe và hành khách

a) Phòng nghỉ tạm thời cho lái xe phải được trang bị ghế ngả, quạt điện hoặc điều hòa nhiệt độ.

b) Không gian nghỉ ngơi là khu vực kết cấu kiến trúc có mái che hoặc khu vực trồng cây xanh, thảm cỏ có bố trí ghế ngồi (không kể khu vực các công trình dịch vụ thương mại). Số lượng ghế ngồi được tính toán căn cứ theo lưu lượng khách vào trạm dừng nghỉ, đảm bảo khách vào trạm dừng nghỉ có nơi nghỉ ngơi khi không sử dụng các dịch vụ thương mại của trạm dừng nghỉ.

2.3.4. Quy định về khu vệ sinh

a) Khu vệ sinh phải được bố trí ở những nơi dễ quan sát, tiện cho khách sử dụng, đồng thời tránh ảnh hưởng tới các khu vực ăn uống và nghỉ ngơi của hành khách. Khu vệ sinh phải bố trí vệ sinh nam, nữ riêng và đảm bảo người khuyết tật có thể tiếp cận sử dụng; nơi vệ sinh dành cho người khuyết tất phải có biển báo theo quy ước quốc tế;

b) Khu vệ sinh phải đảm bảo chống thấm, chống ẩm ướt, thoát mùi hôi thối, thông thoáng, tường, mặt sàn và thiết bị phải luôn sạch sẽ. Số lượng, chất lượng các loại thiết bị vệ sinh phải phù hợp với quy định của từng loại công trình theo TCXDVN 276 :2003;

c) Khu vệ sinh phải được thông gió tự nhiên trực tiếp; nếu thông gió tự nhiên không đáp ứng yêu cầu thì phải dùng thông gió cơ giới theo quy định tại TCVN 5687: 2010;

d) Nền, mặt tường khu vệ sinh phải dùng loại vật liệu không hút nước, không hút bẩn, chịu xâm thực, dễ làm vệ sinh;

đ) Tại các vị trí bố trí chậu để rửa tay nên bố trí bàn, gương, móc treo.

2.3.5. Quy định về nơi cung cấp thông tin

a) Nơi cung cấp thông tin: Phải có bản đồ giao thông khu vực và kệ để sách báo để cung cáp cho lái xe, hành khách và người dân địa phương những thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, các sản phẩm và văn hóa đặc trưng của địa phương;

về các điểm du lịch, tài nguyên thiên nhiên, tình hình giao thông, hệ thống trạm dừng nghỉ, mạng lưới đường bộ trong khu vực và các thông tin khác theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền;

b) Nơi cung cấp thông tin phải được bố trí ở vị trí thuận tiện để hành khách dễ nhận biết và tiếp cận dễ dàng;

c) Tùy theo việc bố trí không gian của trạm dừng nghỉ có thể bố trí phòng cung cấp thông tin riêng biệt hoặc sử dụng chung không gian với các khu vực khác.

2.3.6. Quy định về khu vực giới thiệu và bán hàng hóa

a) Việc bố trí nội thất, kệ, quầy bán hàng phải bảo đảm đồng thời hai yếu tố thẩm mỹ và thông thoáng. Việc bố trí không gian nội thất nên cơ động, linh hoạt, dễ dàng thay đổi khi cần thiết;

b) Không gian mua hàng của khách phải đảm bảo thuận tiện để hành khách đi lại, đứng xem, chọn hàng, thử hàng, mua hàng.

2.3.7. Quy định về khu vực phục vụ ăn uống, giải khát

a) Khu vực phục vụ ăn uống, giải khát cho hành khách và lái xe phải được bố trí một khu vực riêng;

b) Khu vực phục vụ ăn uống phải được bố trí bàn ăn, ghế ngồi và thùng rác đảm bảo vệ sinh môi trường;

c) Khu vực chế biến thức ăn và khu vực phục vụ hành khách được ngăn cách bằng vách ngăn lửng hoặc được bố trí khu vực riêng biệt;

d) Nền khu vực phục vụ ăn uống phải dùng loại vật liệu dễ làm vệ sinh;

đ) Khu vực phục vụ ăn uống phải được thông gió tự nhiên và trang bị hệ thống quạt mát, quạt hút mùi. Tùy theo yêu cầu cụ thể của từng trường hợp có thể thông gió bằng phương pháp cơ giới và thiết bị điều hòa nhiệt độ theo quy định tại TCVN 5687 : 2010;

e) Khu vực ăn uống phải đảm bảo luôn sạch sẽ, đáp ứng đầy đủ các quy định về vệ sinh môi trường, các sản phẩm ăn uống phục vụ khách hàng phải đảm bảo các quy định về vệ sinh, an toàn thực phẩm.

2.3.8. Quy định về trạm cấp nhiên liệu, xưởng bảo dưỡng sửa chữa và nơi rửa xe.

a) Việc thiết kế, xây dựng, hoạt động của khu vực cấp nhiên liệu phải được thực hiện đúng theo các quy định hiện hành có liên quan của Nhà nước; Khoảng cách từ cột bơm và cụm bể chứa nhiên liệu của khu vực cấp nhiên liệu đến các công trình khác phải tuân thủ đúng theo quy định của Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4530:2011;

b) Khu vực cấp nhiên liệu, bảo dưỡng sửa chữa và nơi rửa xe phải được bố trí riêng biệt, có đường ra, vào thuận tiện không ảnh hưởng đến giao thông chung trong khu vực trạm dừng nghỉ.

2.3.9. Quy định về hệ thống cấp thoát nước

a) Hệ thống cấp nước cho trạm dừng nghỉ phải đảm bảo hoạt động ổn định, có khả năng cung cấp đủ lượng nước cho nhu cầu sử dụng của trạm dừng nghỉ;

b) Trong trường hợp trạm dừng nghỉ tự khai thác nguồn nước để sử dụng thì: chất lượng nước phục vụ cho ăn uống phải đảm bảo đáp ứng đầy đủ các chỉ tiêu chất lượng theo quy định tại QCVN 01: 2009/BYT và chất lượng nước phục vụ cho sinh hoạt phải đảm bảo đáp ứng đầy đủ các chỉ tiêu chất lượng theo quy định tại QCVN 02: 2009/BYT;

c) Hệ thống thoát nước của trạm dừng nghỉ bao gồm hệ thống thoát nước thải và hệ thống thoát nước mưa và đấu nối với hệ thống thoát nước tại địa phương;

d) Hệ thống thoát nước phải đảm bảo không để ứ đọng nước làm gián đoạn hoạt động của trạm dừng nghỉ.

2.4. Quy định về phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường

a) Trạm dừng nghỉ phải có hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải tập trung theo quy định; có hệ thống tiêu thoát nước mưa;

b) Có đủ thiết bị, phương tiện và lực lượng lao động thu gom chất thải, làm vệ sinh môi trường trong phạm vi quản lý;

c) Bố trí đủ thùng rác tại tất cả các khu vực để đảm bảo vệ sinh môi trường;

d) Đối với trạm dừng nghỉ có xưởng bảo dưỡng, sửa chữa phải có hệ thống thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại (bao gồm: ắc quy, dầu mỡ, săm lốp, linh kiện điện tử) theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 quy định về quản lý chất thải nguy hại. Có biện pháp giảm thiểu bụi khí thải, hạn chế tiếng ồn, phát sáng, phát nhiệt ảnh hưởng đến môi trường xung quanh theo quy định tại QCXDVN 05: 2008/BXD;

đ) trạm dừng nghỉ phải được xây dựng và lắp đặt các trang thiết bị phòng chống cháy nổ theo đúng các quy định tại QCVN 06: 2010/BXD và TCVN 2622: 1995;

e) Niêm yết quy định về giữ gìn vệ sinh trong khu vực trạm dừng nghỉ.

III. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

3.1. Nội dung quản lý

3.1.1. Quy định về loại hình đơn vị quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ

Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ phải là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã.

3.1.2. Thẩm quyền công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác

a) Tổng cục Đường bộ Việt Nam công bố đưa trạm dừng nghỉ trên các tuyến quốc lộ vào khai thác;

b) Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công bố đưa trạm dừng nghỉ trên các tuyến đường bộ (trừ trạm dừng nghỉ trên các tuyến quốc lộ) thuộc địa phương quản lý vào khai thác.

3.1.3. Thủ tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác.

3.1.3.1. Thủ tục công bố lần đầu

Gồm 2 bước:

a) Bước 1. Trước khi xây dựng.

- Đối với các trạm dừng nghỉ trên các tuyến quốc lộ: Để đảm bảo phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt, đơn vị đầu tư, xây dựng trạm dừng nghỉ phải gửi văn bản đề nghị chấp thuận vị trí xây dựng đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam. Chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị chấp thuận vị trí xây dựng, Tổng cục Đường bộ Việt Nam có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với các trạm dừng nghỉ trên các tuyến đường địa phương; việc chấp thuận vị trí xây dựng được thực hiện qua việc cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.

- Riêng đối với các trạm dừng nghỉ được coi là một hạng mục công trình nằm trong dự án xây dựng đường cao tốc đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì không phải thực hiện bước này.

Chú thích:

1) Văn bản chấp thuận vị trí xây dựng trạm dừng nghỉ chỉ xác định vị trí dự kiến xây dựng trạm là phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt, không thay thế cho văn bản chấp thuận đấu nối đường ra, vào trạm dừng nghỉ với đường giao thông.

2) Đối với các trạm dừng nghỉ đã được xây dựng trước thời điểm cơ quan có thẩm quyền công bố quy hoạch hệ thống trạm dừng nghỉ thì vẫn được xem xét công bố hợp quy theo thủ tục quy định tại bước 2, nếu có sự chấp thuận bằng văn bản của Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có trạm dừng nghỉ.

b) Bước 2: Sau khi hoàn thành việc xây dựng.

Đơn vị kinh doanh, khai thác trạm dừng nghỉ nộp hồ sơ đề nghị công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác đến cơ quan có thẩm quyền.

*) Hồ sơ đề nghị công bố gồm:

- Giấy đề nghị công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác (theo mẫu quy định tại Phụ lục 2).

- Văn bản chấp thuận đấu nối đường ra, vào trạm dừng nghỉ với đường giao thông của cơ quan có thẩm quyền.

- Sơ đồ mặt bằng tổng thể, thiết kế kỹ thuật trạm dừng nghỉ.

- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền.

- Biên bản nghiệm thu xây dựng.

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn này với các công trình của trạm dừng nghỉ (theo mẫu quy định tại Phụ lục 3).

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của đơn vị kinh doanh khai thác trạm dừng nghỉ.

- Quy chế quản lý khai thác do trạm dừng nghỉ ban hành.

*) Quy trình xử lý hồ sơ đề nghị công bố.

- Chậm nhất trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra. Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ không đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ, mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì các tiêu chí không đạt yêu cầu, phải được ghi rõ trong biên bản kiểm tra và được thông báo ngay cho đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ.

- Sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ, mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác (theo mẫu quy định tại Phụ lục 4). Quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác có giá trị trong thời hạn 3 năm kể từ ngày ký.

3.1.3.2. Thủ tục công bố lại

Trước khi hết hạn được phép kinh doanh, khai thác 60 ngày (theo thời hạn quy định tại quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác), đơn vị kinh doanh, khai thác trạm dừng nghỉ nộp hồ sơ đề nghị tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác đến cơ quan có thẩm quyền.

a) Hồ sơ đề nghị công bố lại gồm:

- Giấy đề nghị tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác (theo mẫu quy định tại phụ lục 5).

- Sơ đồ mặt bằng tổng thể, thiết kế kỹ thuật các công trình xây dựng, cải tạo trạm dừng nghỉ (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng, cải tạo của cơ quan có thẩm quyền (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

- Biên bản nghiệm thu các công trình xây dựng, cải tạo (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn này với các công trình của trạm dừng nghỉ (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

- Báo cáo kết quả hoạt động (theo mẫu quy định tại Phụ lục 6).

b) Quy trình xử lý hồ sơ đề nghị công bố lại: được thực hiện như quy trình xử lý hồ sơ đề nghị công bố lần đầu.

3.1.4. Quy định về kiểm tra, giám sát hoạt động của trạm dừng nghỉ

a) Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn và yêu cầu các đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ trên địa bàn địa phương báo cáo định kỳ về kết quả hoạt động, tình hình an ninh trật tự, việc duy trì, đầu tư, cải tạo cơ sở vật chất, việc thực hiện các quy định của Quy chuẩn trạm dừng nghỉ và các nội dung cần thiết khác;

b) Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thiết lập đường dây nóng và công bố địa chỉ liên lạc, địa chỉ thư điện tử (Email) của cán bộ hoặc bộ phận tiếp nhận khiếu nại, tố cáo của người dân về hoạt động của các trạm dừng nghỉ. Các trạm dừng nghỉ phải niêm yết rõ ràng số điện thoại đường dây nóng, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thư điện tử (Email) do Sở Giao thông vận tải cung cấp tại nơi cung cấp thông tin của trạm dừng nghỉ;

c) Các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, lực lượng Thanh tra đường bộ tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất hoạt động của các trạm dừng nghỉ, phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm nhằm đảm bảo các trạm dừng nghỉ luôn duy trì và thực hiện đúng các quy định của Quy chuẩn trạm dừng nghỉ và các quy định pháp luật liên quan khác;

d) Tùy theo mức độ vi phạm các quy định của Quy chuẩn trạm dừng nghỉ, cơ quan công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác có quyền nhắc nhở, yêu cầu chấn chỉnh hoặc thu hồi quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác đối với đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ có vi phạm;

đ) Cơ quan có thẩm quyền công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác định kỳ 3 năm tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động, việc chấp hành các quy định của đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ. Căn cứ vào kết quả kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền thu hồi quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác hoặc tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác.

3.2. Trách nhiệm quản lý nhà nước

3.2.1. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải

a) Phê duyệt quy hoạch hệ thống trạm dừng nghỉ trên các quốc lộ;

b) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý, khai thác, kinh doanh trạm dừng nghỉ.

3.2.2. Trách nhiệm của Tổng cục Đường bộ Việt Nam

a) Chủ trì phối hợp với các địa phương tổ chức xây dựng quy hoạch hệ thống trạm dừng nghỉ trên các quốc lộ trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt;

b) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hoạt động của trạm dừng nghỉ trong phạm vi toàn quốc;

c) Quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác trên các tuyến đường quốc lộ. Văn bản công bố được đồng thời gửi đến Sở Giao thông vận tải địa phương để phối hợp quản lý;

d) Thống kê, tổng hợp các dữ liệu, quy định và hướng dẫn cách đánh mã số đối với hệ thống trạm dừng nghỉ trong toàn quốc;

đ) Tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất và xử lý các vi phạm đối với các đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ trong toàn quốc.

3.2.3. Trách nhiệm của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Phê duyệt quy hoạch hệ thống trạm dừng nghỉ trên các tuyến đường bộ (trừ trạm dừng nghỉ trên các tuyến quốc lộ) thuộc địa phương quản lý.

b) Xác định và quản lý quỹ đất dành cho dự án xây dựng trạm dừng nghỉ theo quy hoạch đã được phê duyệt.

3.2.4. Trách nhiệm của Sở GTVT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Xây dựng quy hoạch hệ thống trạm dừng nghỉ trên các tuyến đường bộ (trừ trạm dừng nghỉ trên các tuyến quốc lộ) thuộc địa phương quản lý;

b) Quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác trên các tuyến đường (trừ trạm dừng nghỉ trên tuyến quốc lộ) thuộc địa phương quản lý. Văn bản công bố được đồng thời gửi đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam để phối hợp quản lý;

c) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hoạt động của các trạm dừng nghỉ trên địa bàn địa phương;

d) Tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với các đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ trên địa bàn địa phương.

3.3. Trách nhiệm của chủ đầu tư, đơn vị khai thác và người sử dụng trạm dừng nghỉ

3.3.1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

a) Đầu tư xây dựng trạm dừng nghỉ phù hợp với quy hoạch hệ thống trạm dừng nghỉ đã được phê duyệt và phù hợp với các quy định của Quy chuẩn này;

b) Đầu tư xây dựng trạm dừng nghỉ phải tuân thủ trình tự quản lý đầu tư xây dựng và các quy định liên quan khác của pháp luật; bảo đảm tiến độ, chất lượng công trình, bảo vệ môi trường.

3.3.2. Trách nhiệm của đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ

a) Bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ tại trạm dừng nghỉ;

b) Bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường tại trạm dừng nghỉ;

c) Cung cấp các dịch vụ miễn phí tại mọi thời điểm cho người có nhu cầu sử dụng theo quy định tại điểm 2.2.1 của Quy chuẩn này;

d) Thường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị, cơ sở vật chất; phổ biến, tuyên truyền pháp luật, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động nhằm duy trì và nâng cao chất lượng phục vụ của trạm dừng nghỉ, thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước về trạm dừng nghỉ;

đ) Niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại trạm dừng nghỉ theo quy định; niêm yết nội quy của trạm dừng nghỉ;

e) Chịu sự quản lý, thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

g) Định kỳ hàng tháng, quý, năm báo cáo tình hình hoạt động cho Sở Giao thông vận tải địa phương. Báo cáo tình hình hoạt động theo yêu cầu đột xuất của Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Sở Giao thông vận tải địa phương.

3.3.3. Trách nhiệm của người sử dụng trạm dừng nghỉ

a) Giữ gìn an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ trong khu vực trạm dừng nghỉ;

b) Chấp hành nội quy, quy định và hướng dẫn của nhân viên tại trạm dừng nghỉ.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Tổng cục Đường bộ Việt Nam chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học Công nghệ - Bộ Giao thông vận tải và các cơ quan chức năng có liên quan hướng dẫn triển khai và tổ chức việc thực hiện Quy chuẩn này.

4.2. Trong quá trình áp dụng Quy chuẩn này, nếu có khó khăn vướng mắc, Tổng cục Đường bộ Việt Nam tổng hợp và kiến nghị Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung.

4.3. Trường hợp các tiêu chuẩn, quy chuẩn, văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo văn bản mới.

4.4. Các trạm dừng nghỉ đã công bố trước ngày Quy chuẩn kỹ thuật này có hiệu lực phải hoàn tất các thủ tục để được công bố lại trước ngày 31 tháng 12 năm 2013./.

Phụ lục 1

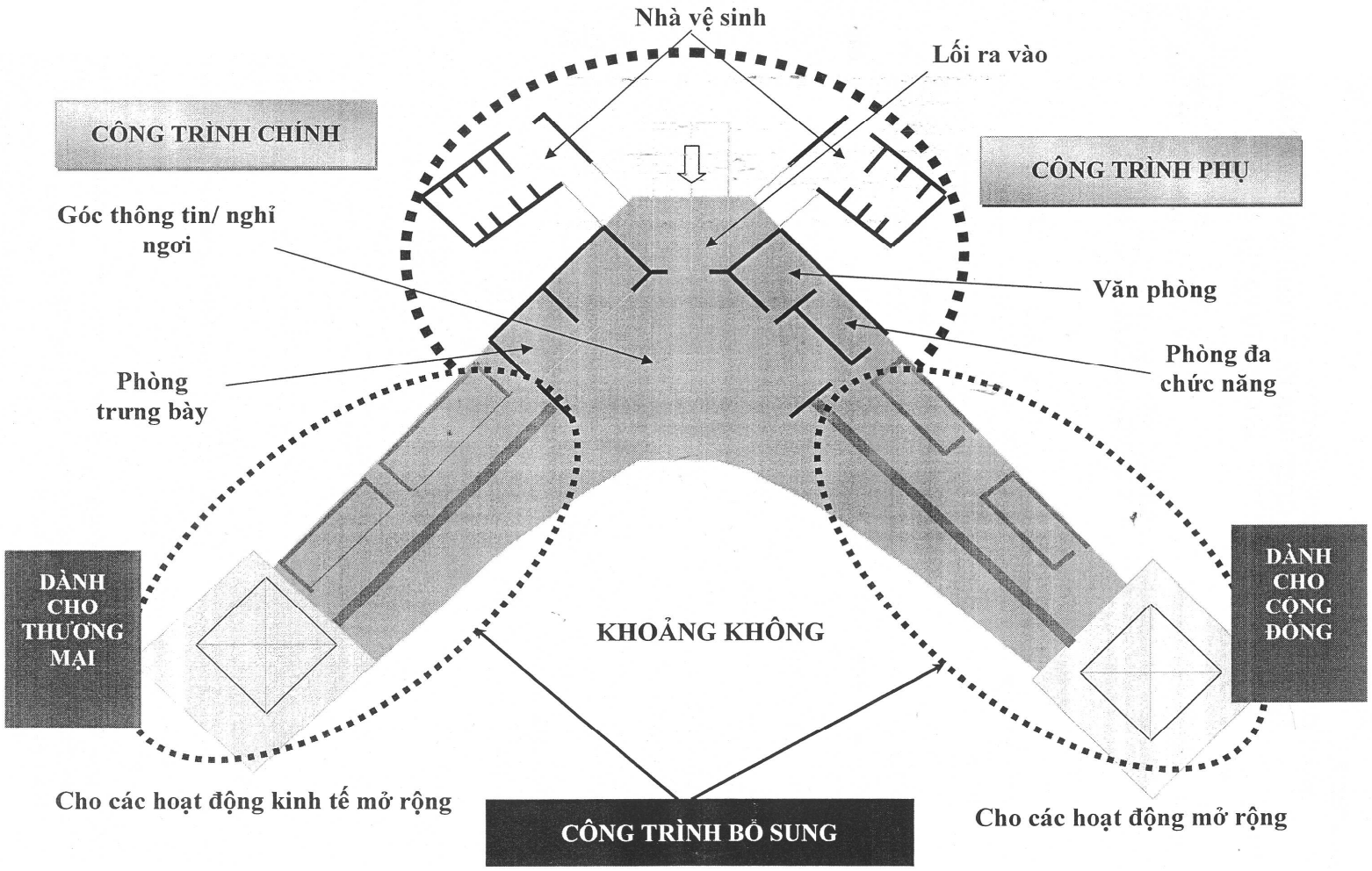
Nhà vệ sinh
Lối ra vào
CÔNG TRÌNH CHÍNH
CÔNG TRÌNH PHỤ
Góc thông tin/ nghỉ ngơi
Văn phòng
Phòng đa chức năng
Phòng trưng bày
DÀNH CHO THƯƠNG MẠI
KHOẢNG KHÔNG
DÀNH CHO CỘNG ĐỒNG
Cho các hoạt động kinh tế mở rộng
CÔNG TRÌNH BỔ SUNG
Cho các hoạt động mở rộng

Phụ lục 2

.....(2)..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../..... *....., ngày..... tháng..... năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CÔNG BỐ ĐƯA TRẠM DỪNG NGHỈ VÀO KHAI THÁC
Kính gửi :……(1)…….

1. Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ: (2) .....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Trụ sở: .....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị kiểm tra để đưa trạm dừng nghỉ ..... (3)..... thuộc tỉnh: (4)..... vào khai thác. Cụ thể như sau:

- Tên: (3). .....
- Địa chỉ: (5).....
- Tổng diện tích đất: (6) .....

Sau khi xem xét và đối chiếu với các tiêu chí quy định tại QCVN 43:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trạm dừng nghỉ đường bộ, chúng tôi đề nghị.... (1)..... công bố đưa Trạm dừng nghỉ..... (3)..... đạt loại:..... (7)..... và được đưa vào khai thác.

....(2)..... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu....

Đại diện đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải hoặc Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)

(2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ

(3) Ghi tên trạm dừng nghỉ

(4) Ghi tên tỉnh

(5) Ghi lý trình, địa chỉ của trạm dừng nghỉ

(6) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây trạm dừng nghỉ

(7) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố

Phụ lục 3

.....(2).....

Số:...../.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT CỦA QUY CHUẨN VỚI CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TRẠM DỪNG NGHỈ

Kính gửi:.....(1).....

1. Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ: (2) .....
2. Trụ sở: .....
3. Số điện thoại (Fax): .....

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn với các hạng mục công trình của trạm dừng nghỉ..... (3)..... như sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Theo quy định kỹ thuật của TDN loại ...(4)...	Theo thực tế
1	Tổng diện tích mặt bằng trạm (tối thiểu)	m^2		
2	Bãi đỗ xe (diện tích tối thiểu)	m^2		
3	Đường xe ra, vào			
4	Khu kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện			
5	Trạm cấp nhiên liệu			
6	Mặt sân khu vực bãi đỗ xe			
7	Khu vệ sinh	m^2		
8	Phòng nghỉ tạm thời cho lái xe	m^2		
9	Không gian nghỉ ngơi (khu vực có mái che và khu vực trồng cây xanh có ghế ngồi)	m^2		
10	Nơi cung cấp thông tin			
11	Khu phục vụ ăn uống, giải khát			
12	Khu vực giới thiệu và bán hàng hóa			

.....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu....

Đại diện đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải hoặc Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)

(2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ

(3) Ghi tên trạm dừng nghỉ

(4) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố

Phụ lục 4

.....(2)..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ..... *....., ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác

(2)

Căn cứ QCVN 43:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trạm dừng nghỉ đường bộ do Bộ Giao thông vận tải ban hành ngày..... tháng.... năm 2012

Căn cứ Quyết định số.... của..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ..... (2).....

Căn cứ Biên bản kiểm tra của ……(2)……., ngày…./…./……

Xét đề nghị của .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố đưa Trạm dừng nghỉ..... (1) ..... vào khai thác với các nội dung sau:

- Trạm dừng nghỉ: (1)..... Mã số:.....
- Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác:.....
- Vị trí:..... (3).....
- Tổng diện tích đất:.....(4).....
- Trạm dừng nghỉ..... (1)..... đạt loại:.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

Điều 3. Các ông (bà)....., Trưởng phòng.....; Thủ trưởng..... (1)..... và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3
- .....
- Lưu....

Thủ trưởng...(2)...
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:
(1) Ghi tên trạm dừng nghỉ
(2) Ghi tên cơ quan ban hành quyết định công bố
(3) Ghi lý trình, địa chỉ của trạm dừng nghỉ
(4) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây trạm dừng nghỉ.

Phụ lục 5

.....(2)..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../..... *....., ngày..... tháng..... năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ
TIẾP TỤC CÔNG BỐ ĐƯA TRẠM DỪNG NGHỈ VÀO KHAI THÁC

Kính gửi:.....(1).....

1. Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ: .....(2) .....

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....

3. Trụ sở: .....

4. Số điện thoại (Fax):.....

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đơn vị hiện đang quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ: ...(3)..... theo Quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác số..... ngày..... tháng.... năm .... của .....(1)..... thời gian được phép khai thác đến ngày.... tháng.... năm.....

Sau khi xem xét các quy định tại QCVN 43:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trạm dừng nghỉ đường bộ, chúng tôi đề nghị.... (1)..... tiếp tục công bố đưa Trạm dừng nghỉ..... (3)..... đạt loại:..... (4)..... vào khai thác.

....(2)..... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu....

Đại diện đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:
(1) Gửi Sở GTVT, Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)
(2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ
(3) Ghi tên trạm dừng nghỉ
(4) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố

Phụ lục 6

.....(2)..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../..... *....., ngày..... tháng..... năm.....*

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kính gửi:.....(1).....

....(2)..... hiện đang quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ...(3).... theo Quyết định số..... ngày... tháng... năm... của.....(1).... thời gian được phép khai thác từ ngày..... tháng ..... năm.... đến ngày.... tháng.... năm.....

....(2)..... Báo cáo kết quả hoạt động trong khoảng thời gian trên với các nội dung sau:

I. Kết quả kinh doanh khai thác

1. Tổng số phương tiện vào trạm:..... (lượt xe)

Trong đó: - Xe con:..... (lượt xe)

- Xe khách trên 30 ghế:..... (lượt xe)
- Xe khách dưới 30 ghế:..... (lượt xe)
- Xe tải:..... (lượt xe)

2. Tổng số khách vào trạm: ..... (lượt khách)

3. Bình quân mỗi ngày có:..... lượt xe và ..... lượt khách vào trạm.... Trong đó có: ..... xe con; ..... xe khách trên 30 ghế;.... xe khách dưới 30 ghế và ..... xe tải.

II. Cơ sở vật chất, trang thiết bị của trạm dừng nghỉ

(Báo cáo về tình trạng hiện tại, việc duy trì, bổ sung, cải tạo, nâng cấp các công trình, trang thiết bị của trạm và đối chiếu với các tiêu chí tương ứng của quy chuẩn QCVN 43: 2012/BGTVT)

III. Việc thực hiện các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trạm dừng nghỉ đường bộ và các quy định pháp luật liên quan khác

IV. Các vi phạm trong quá trình hoạt động (nếu có)

(Kết luận của các đoàn thanh tra, kiểm tra về các vi phạm của trạm dừng nghỉ: số lần và mức xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền đối với

trạm. Các biện pháp và kết quả khắc phục của đơn vị khai thác trạm với các vi phạm trên).

V. Kiến nghị, khiếu nại của người sử dụng trạm (nếu có)

(Báo cáo từng trường hợp và biện pháp, kết quả giải quyết của đơn vị khai thác trạm)

VI. Các kiến nghị của đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ

Ý kiến của Sở GTVT địa phương	**Đại diện đơn vị khai thác trạm**
(Ký tên, đóng dấu)	(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Gửi Sở GTVT, Tổng cục ĐBVN (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)

(2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ

(3) Ghi tên trạm dừng nghỉ

(4) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 80/NQ-CP

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2012

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh mở rộng địa giới hành chính thị trấn Yên Thịnh thuộc huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh địa giới hành chính xã để mở rộng địa giới hành chính thị trấn Yên Thịnh thuộc huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình như sau:

1. Điều chỉnh nguyên trạng toàn bộ 397,97 ha diện tích tự nhiên, 3.288 nhân khẩu của xã Yên Phú và 159,76 ha diện tích tự nhiên, 1.233 nhân khẩu của một phần xã Khánh Thịnh để thị trấn Yên Thịnh quản lý.

2. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính:

a) Huyện Yên Mô có 14.474,3 ha diện tích tự nhiên và 110.302 nhân khẩu, có 17 đơn vị hành chính cấp xã, gồm thị trấn Yên Thịnh và 16 xã: Khánh Dương, Khánh Thịnh, Khánh Thượng, Mai Sơn, Yên Đồng, Yên Hòa, Yên Hưng, Yên Lâm, Yên Nhân, Yên Mạc, Yên Mỹ, Yên Phong, Yên Thái, Yên Thành, Yên Thắng, Yên Từ.

b) Thị trấn Yên Thịnh có 763,34 ha diện tích tự nhiên và 8.050 nhân khẩu.

Địa giới hành chính thị trấn Yên Thịnh: Đông giáp xã Khánh Thịnh và xã Yên Phong; Tây giáp xã Yên Hòa và xã Khánh Thượng; Nam giáp xã Yên Hưng và xã Yên Hòa; Bắc giáp xã Khánh Dương và xã Khánh Thịnh.

c) Xã Khánh Thịnh có 423,4 ha diện tích tự nhiên và 4.262 nhân khẩu.

Địa giới hành chính xã Khánh Thịnh: Đông giáp huyện Yên Khánh; Tây giáp thị trấn Yên Thịnh và xã Khánh Dương; Nam giáp thị trấn Yên Thịnh và xã Yên Phong; Bắc giáp xã Khánh Dương.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

BỘ NGOẠI GIAO

BỘ NGOẠI GIAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 48/2012/TB-LPQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2012

THÔNG BÁO
Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 47 của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa nhân dân Băng-la-đét về việc gia hạn Bản ghi nhớ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa nhân dân Băng-la-đét về hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp, ký tại Đắc-ca ngày 22 tháng 3 năm 2004, ký tại Hà Nội ngày 02 tháng 11 năm 2012, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2012.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi Bản sao Thỏa thuận theo quy định tại Điều 68 của Luật nêu trên./.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Nguyễn Thị Thanh Hà

AGREEMENT

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

AND

THE GOVERNMENT OF THE PEOPLE'S REPUBLIC OF BANGLADESH

ON

EXTENSION OF "MEMORADUM OF UNDERSTANDING BETWEEN THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM AND THE GOVERNMENT OF THE PEOPLE'S REUBLIC OF BANGLADESH ON COOPERATION IN THE FIELD OF AGRICULTURE" SIGNED ON 22 MARCH 2004 IN DHAKA

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the People's Republic of Bangladesh ;

Mindful of the need to strengthen the existing friendly relations between the two countries through development of cooperation in the fields of agricultural science and technology, agricultural production, development of hybrid rice seed technology, agro-processing and packaging, joint venture industries for manufacturing of agricultural equipment, agro-based industries, bio-technology, research and agricultural extension service, human resource development, farm management, farming system development, agricultural mechanization, agro-based non-farm activities etc;

Considering that the advantages to be derived from mutual cooperation in the fields mentioned above shall benefit both countries and contribute in poverty reduction and food security of Viet Nam and Bangladesh;

Have agreed to extend effectiveness of "Memorandum of Understanding between the Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the People's Republic of Bangladesh on cooperation in the field of agriculture" up to 21 March, 2014 A.D.

IN WITHESS WHEREOF, the undersigned, being duly authorized by their respective Government, have hereto signed this Agreement of Extension and affixed thereto their seals.

Done and signed at Ha Noi on this 2nd November 2012 in duplicate in the English language, both texts being equally authentic. Each Party will reserve one original copy.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Mrs. Nguyen Thi Xuan Thu
Vice Minister of Ministry of
Agriculture and Rural Development

FOR THE GOVERNMENT OF THE PEOPLE'S REPUBLIC OF BANGLADESH

Md. Abdul Hamid
Additional Secretary
Ministry of Agriculture

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng